



Member of ILAC/APLAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTRE 3 (QUATEST 3)
TEMPERATURE MEASUREMENT LABORATORY

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 7 đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

ĐO LƯỜNG – HIỆU CHUẨN

Measurement - Calibration

Mã số

Accreditation No

VILAS 036

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 08/10/2019 (Annex of decision: 727.2019/QĐ-VPCNCL date 08/10/2019)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 15/08/2021

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 18/10/1999

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2019.

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHÂN CHẤT LƯỢNG**

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT

Phù hợp theo ISO/IEC17025:2017 với danh mục các phép thử kèm theo Quyết định này

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 036.**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 15 tháng 08 năm 2021 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5: Quyết định này thay thế Quyết định số 463.2018/ QĐ-VPCNCL ngày 19 tháng 9 năm 2018.

Nơi nhận: ✓

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo Quyết định số: 727.2019 / QĐ - VPCNCL ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (QUATEST 3)**
Phòng Đo lường Nhiệt

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)**
Temperature Measurement Laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.**

Organization: **Directorate for Standards, Metrology and Quality.**

Lĩnh vực: **Đo lường – Hiệu chuẩn**

Field: **Measurement – Calibration**

Người phụ trách/ Representative: **Trương Thanh Sơn**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Thái Hùng	Các phép hiệu chuẩn được công nhận/ <i>Accredited calibrations</i>
2.	Trương Thanh Sơn	
3.	Mai Văn Sùng	
4.	Nguyễn Anh Triết	
5.	Nguyễn Tấn Tùng	
6.	Trần Lê Phương	Các phép hiệu chuẩn được công nhận của phòng Đo lường Nhiệt/ <i>Accredited calibrations of Temperature Measurement Laboratory</i>
7.	Nguyễn Hoàng Chinh	
8.	Trần Thị Huyền	

Số hiệu/ Code: **VILAS 036**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **15 / 08 / 2021**

Địa chỉ/ Address: **Số 7 đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
No 7, 1 road, Bien Hoa 1 Industrial Park, Bien Hoa city, Dong Nai Province

Địa điểm /Location: **Số 7 đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
No 7, 1 road, Bien Hoa 1 Industrial Park, Bien Hoa city, Dong Nai Province

Điện thoại/ Tel: **(84-251) 383 6212**

Fax: **(84-251) 383 6298**

E-mail: **qt-qatesting@quatest3.com.vn**

Website: **www.quatest3.com.vn**

DANH MỤC PHEP HIEU CHUAN ĐUOC CONG NHAN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 036

PHONG DO LUONG NHIEP

Linh vực hieu chuan: Nhiep

Field of calibration Temperature

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
1	Nhiệt kế điện trở Platin <i>Standard Platinum Resistance Thermometer SPRT</i>	(-80 ~ -38) °C	QTHC/KT3 015:2018	0,02 °C
		(-38 ~ 0) °C		0,01 °C
		(0 ~ 200) °C		0,03 °C
		(200 ~ 500) °C		0,04 °C
2	Cặp nhiệt điện <i>Thermocouples</i>	(0 ~ 500) °C	QTHC/KT3 016:2018	0,15 °C
		(500 ~ 1 000) °C		1,0 °C
3	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt <i>Temperature Block Calibrators</i>	(-40 ~ 150) °C	QTHC/KT3 048:2018	0,033 °C
		(150 ~ 660) °C		0,13 °C
		(660 ~ 1 000) °C		1,0 °C
4	Nhiệt kế thủy tinh <i>Glass Thermometers</i>	(-80 ~ -55) °C	QTHC/KT3 019:2018	0,1 °C
		(-55 ~ 151) °C		0,02 °C
		(151 ~ 200) °C		0,05 °C
		(200 ~ 550) °C		0,25 °C
5	Nhiệt kế hiển số & tương tự <i>A/D Thermometers</i>	(-100 ~ 80) °C	QTHC/KT3 017:2018	0,011 °C
		(80 ~ 250) °C		0,013 °C
		(250 ~ 500) °C		0,015 °C
		(500 ~ 1 000) °C		0,6 °C
6	Nhiệt kế bức xạ công nghiệp <i>Industrial Radiation Thermometers</i>	(- 35 ~ 100) °C	ĐLVN 124:2003	0,8 °C
		(100 ~ 300) °C		1,8 °C
		(300 ~ 500) °C		2,9 °C
		(500 ~ 700) °C		5,3 °C
		(700 ~ 1 000) °C		6,6 °C
7	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ <i>Temperature Indicators</i>	(-200 ~ 600) °C	ĐLVN 160:2005	0,02 °C
		(600 ~ 1 300) °C		0,12 °C
		(1 300 ~ 1 800) °C		0,21 °C
8	Bể điều nhiệt <i>Temperature Controlled Baths</i>	(-80 ~ 500) °C	QTHC/KT3 014:2015	0,01 °C
		(500 ~ 550) °C		0,06 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 036

PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
9	Tủ nhiệt <i>Thermal Chambers</i>	(-80 ~ -40) °C	QTHC/KT3 012:2015	1,5 °C
		(-40 ~ 5) °C		0,79 °C
		(5 ~ 50) °C		0,1 °C
		(50 ~ 140) °C		0,2 °C
		(140 ~ 300) °C		1,4 °C
10	Lò nung <i>Furnaces</i>	(300 ~ 1 000) °C	QTHC/KT3 143:2015	2 °C
11	Bộ ổn định nhiệt <i>Temperature Stability Blocks</i>	(0 ~ 100) °C	QTHC/KT3 144:2015	0,3 °C
		(100 ~ 200) °C		1 °C
		(200 ~ 500) °C		2 °C
12	Buồng nhiệt ẩm <i>Climatic Chambers</i>	(10 ~ 100) %RH	QTHC/KT3 158:2018	2,4 %RH
13	Bộ chuyển đổi đo nhiệt độ <i>Temperature Transmitters</i>	(-80 ~ 500) °C	QTHC/KT3 166:2018	0,07 °C
		(500 ~ 1 000) °C		1 °C

Chú thích/ Note:

- QTHC/KT3: Qui trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng / *Laboratory-developed methods*

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits./.*